

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 01-8-2017
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy.
2. Ông Phạm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H; Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q; Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam.
Chị H và anh Q đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh Q đã ngoại tình, có con với người khác. Thực tế anh Q và chị H đã không chung sống với nhau trong 10 năm qua, ai lo phần nấy, không quan tâm đến nhau. Nay chị H thấy không còn tình cảm gì với anh Q nữa, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên là Trần Xuân Q, sinh năm 1991 và Trần Thị Xuân L, sinh năm 1995. Hiện nay các con đã lớn và có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung đều không có vì vợ chồng không chung sống 10 năm nay và chị H không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn Q trình bày: Về điều kiện kết hôn đúng như chị H trình bày, anh Q không bổ sung gì thêm. Anh Q và chị H chung sống từ năm 1990 đến nay và có chung 02 người con như chị H đã khai. Vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc, do chị H không tôn trọng anh Q và tính cách, quan điểm hai người khác biệt nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh Q cũng thống nhất. Về

con chung, các con đã lớn nên anh Q không có ý kiến gì. Về tài sản chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết, anh Q không yêu cầu gì. Về nợ chung: không có. Anh Q không có ý kiến gì thêm.

* □ kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Th□ ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị không công nhận chị H và anh Q là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Chị H và anh Q đều khai hai bên chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 10/7/2017, Ủy ban nhân dân xã D, huyện P xác nhận chị H, anh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã D, huyện P có đến xin sao lục giấy kết hôn, Ủy ban nhân dân xã D đã kiểm tra không có lưu hồ sơ gốc tại địa phương. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 17-7-2017, ông Đỗ Quang H, Cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xã D, huyện P cho biết anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H chung sống từ năm 1990 đến nay và đã có 02 con chung, tuy nhiên anh Q và chị H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q và chị H không cung cấp chứng cứ chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn và không chứng minh được hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định: “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình*”.

Do đó, không có cơ sở xác định việc chung sống của anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, theo yêu cầu ly hôn với anh Q của chị H thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q.

- Về con chung: Chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2]. Về án phí: Chị Trần Thị H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 28 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q là vợ chồng.
2. Về con chung, chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Sáu trăm nghìn*) đồng chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số J025045 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/8/2017).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Quân